

MẠNG LƯỚI THỜ TỰ LÝ THƯỜNG KIỆT TRONG TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN VIỆT NAM: TỪ KÝ ỨC LỊCH SỬ ĐẾN KHÔNG GIAN THIỀNG

VŨ THANH BẰNG

Viện Dân tộc học và Tôn giáo học,
Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

Nhận bài ngày 11/7/2026. Sửa chữa xong 05/8/2026. Duyệt đăng 20/8/2026.

Abstract

Ly Thuong Kiet was a prominent military commander of the Ly dynasty who made significant contributions to the development and defense of Dai Viet. In addition to being recognized in official historical records, he is worshipped in numerous localities. Drawing on historical sources and fieldwork conducted at selected worship sites, this article examines the transformation of Ly Thuong Kiet from a historical figure into an object of worship and identifies the characteristics of the network of sites dedicated to him in Hanoi, Bac Ninh, and Thanh Hoa. The findings indicate that this worship network developed primarily in areas associated with his homeland, military achievements, and life and deeds. At these sites, he is venerated in various capacities, including as a village tutelary deity (Thanh hoang), village founder (To lang), benevolent deity (Phuc than), and deified military commander. This worship network not only reflects the sacralization of a historical figure but also contributes to preserving historical memory, strengthening community identity, and promoting cultural values in contemporary life.

Keywords: Historical memory, Ly Thuong Kiet, sacred space, worship of deified historical figures.

1. Đặt vấn đề

Trong tín ngưỡng dân gian của người Việt, nhiều nhân vật lịch sử có công với cộng đồng và đất nước sau khi qua đời được thiêng hóa, trở thành Phúc thần của cộng đồng. Hiện tượng này vừa thể hiện đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, vừa góp phần lưu giữ và tái tạo ký ức lịch sử trong đời sống cộng đồng. Lý Thường Kiệt (1019 - 1105), với những đóng góp trong xây dựng và bảo vệ quốc gia Đại Việt, đặc biệt là cuộc kháng chiến chống Tống (1075 - 1077), đã trở thành biểu tượng của lòng yêu nước, tinh thần độc lập dân tộc và tài thao lược quân sự. Hình tượng Lý Thường Kiệt tiếp tục được lưu giữ qua hệ thống cơ sở thờ tự, thần tích, truyền thuyết, nghi lễ, lễ hội và ký ức cộng đồng, tập trung tại Hà Nội, Bắc Ninh và Thanh Hóa.

Các nghiên cứu trước đây chủ yếu tập trung vào thân thế, sự nghiệp chính trị, quân sự, các chiến công chống Tống, bình Chiêm và những đóng góp của Lý Thường Kiệt trong quản trị xã hội; trong khi quá trình thiêng hóa nhân vật, sự hình thành và phân bố mạng lưới thờ tự gắn với các lớp ký ức và không gian thiêng khác nhau còn ít được quan tâm. Trên cơ sở tư liệu lịch sử và kết quả khảo sát thực tế, bài viết tập trung làm rõ quá trình Lý Thường Kiệt được thiêng hóa từ một nhân vật lịch sử thành đối tượng thờ phụng; nhận diện sự hình thành, phân bố và đặc điểm của mạng lưới thờ tự; đồng thời phân tích vai trò của mạng lưới này trong lưu giữ ký ức lịch sử, giáo dục truyền thống và đời sống cộng đồng đương đại.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Từ nhân vật lịch sử đến đối tượng thiêng trong tín ngưỡng dân gian

Lý Thường Kiệt (1019 - 1105), tên thật là Ngô Tuấn, sau được ban quốc tính họ Lý, gọi là Lý Thường Kiệt. Ông là người phường Thái Hòa (Thăng Long), xuất thân trong một gia đình võ tướng, cha là Sùng

Email: thanhbang26@gmail.com

Tiết tướng quân Ngô An Ngũ. Từ trẻ, ông đã có tướng mạo, tài lược hơn người, được sung làm “Hoàng môn chi hậu” – giữ thân phận một hoạn quan theo giúp vua Lý Thái Tông, lập nhiều công trạng, được triều đình giao nắm giữ nhiều chức vụ chủ chốt, phong nhiều chức tước. (*Đại Việt sử ký toàn thư*, 1998, tr.285)

Tiểu sử, hành trạng của Lý Thường Kiệt còn được lưu giữ qua các truyền thuyết gắn với ký ức của cộng đồng dân làng An Xá - Cơ Xá - Phúc Xá ở Thăng Long, Hà Nội. Đáng chú ý, minh chuông chùa An Xá có nội dung quan trọng xác nhận An Xá là “quê cha đất tổ” của vị danh tướng này. Trải qua biến đổi không gian Thăng Long - Hà Nội, cư dân An Xá chuyển ra vùng bãi ven sông Hồng, hình thành các cộng đồng Cơ Xá, Phúc Xá. Ký ức về nguồn gốc trở thành cơ sở để cộng đồng suy tôn và thờ phụng Lý Thường Kiệt như vị tiền nhân có công với quê hương (Đinh Khắc Thuận, 2023; Nguyễn Xuân Hòa, Nguyễn Hữu Tường, 2002, tr. 196-201). Trong khi đó, các tư liệu địa phương và văn bia ở Thanh Hóa tiếp tục bổ sung những thông tin mới về gia thất và hành trạng của ông (Phạm Hoàng Mạnh Hà, 2017).

Từ góc độ lịch sử, Lý Thường Kiệt lưu danh với nhiều đóng góp lớn cho công cuộc xây dựng và bảo vệ quốc gia Đại Việt. Một là, ông tham gia lãnh đạo cuộc kháng chiến chống giặc Tống, lập chiến công trên sông Như Nguyệt (1077), góp phần bảo vệ nền độc lập dân tộc. Trong truyền thuyết dân gian, cuộc chiến còn gắn với bài thơ *Nam quốc sơn hà* và sự linh ứng của thần Trương Hống, Trương Hát, phản ánh sự giao thoa giữa ký ức lịch sử và thế giới thần linh. Hai là, ông ghi dấu bình Chiêm, góp phần ổn định biên cương và mở rộng lãnh thổ phía Nam. Tại vùng đất mới, ông còn tổ chức khảo sát địa hình, lập sổ đinh điền, khuyến khích khai khẩn và từng bước thiết lập quản lý hành chính. Ba là, ông có nhiều công trạng nổi bật đối với vùng đất Thanh Hóa. Trong gần hai thập niên làm Tổng trấn Cửu Chân - Ái Châu, ông chú trọng phát triển nông nghiệp, khai khẩn ruộng đất, ổn định đời sống cư dân, thúc đẩy nghề thủ công và xây dựng, tu bổ một số ngôi chùa như Linh Xứng, Hương Nghiêm (Lê Tạo, 2004, tr.71; Phạm Hoàng Mạnh Hà, 2013, tr. 76-82).

Những công lao trên là cơ sở quan trọng cho quá trình hình thành tín ngưỡng thờ Lý Thường Kiệt sau khi ông qua đời. Từ một nhân vật lịch sử có công với quốc gia và cộng đồng, hình tượng ông từng bước được thiêng hóa thông qua ký ức, truyền thuyết, sự linh ứng, hình thành các cơ sở thờ tự và nghi lễ tương ứng.

Việt điện u linh là tư liệu quan trọng phản ánh bước chuyển hóa Lý Thường Kiệt từ danh tướng sang Phúc thần. Trong truyện về Thái úy Trung Phụ Dũng Vũ Uy Thắng Công, Lý Tế Xuyên không chỉ ghi nhận công trạng khi sinh thời mà còn nhấn mạnh sự “u linh” của Lý Thường Kiệt sau khi qua đời. Tại ngôi đền chính ở xã Ngọ Xá, huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hóa, ông được ba thôn lân cận phụng thờ và vô cùng hiển ứng. Nhờ đó, triều Trần không chỉ chấp thuận sự thờ cúng mà còn nhiều lần gia phong: năm Trùng Hưng nguyên niên (1285) phong Trung Phụ công, năm Trùng Hưng thứ tư (1288) gia thêm “Dũng Mãnh”, năm Hưng Long thứ 21 (1313) gia phong “Uy Thắng” (Lý Tế Xuyên, Bản dịch năm 1960, tr. 26-28). Theo Đào Phương Chi, công trạng của ông có thể khái quát ở diễn trình: sinh thời có công “đánh giặc”, khi hóa trở thành “Phúc thần” (Đào Phương Chi, 2012, tr. 38).

Có thể thấy, Lý Thường Kiệt là một công thần, danh tướng có vai trò quan trọng trong sự nghiệp “đánh Tống, bình Chiêm”, bảo vệ và củng cố quốc gia Đại Việt dưới thời Lý. Những công trạng và dấu ấn của ông không chỉ được ghi nhận trong chính sử mà còn được lưu giữ trong ký ức của các cộng đồng địa phương, đặc biệt tại An Xá - Cơ Xá - Phúc Xá, khu vực phòng tuyến sông Như Nguyệt và vùng Ái Châu. Từ một nhân vật lịch sử có nhiều công trạng đối với triều đình và quốc gia, Lý Thường Kiệt từng bước được nhà nước tôn vinh, cộng đồng tưởng niệm và thờ phụng, qua đó trở thành một biểu tượng trong ký ức lịch sử và đời sống tín ngưỡng.

Quá trình thiêng hóa Lý Thường Kiệt được hình thành trong sự tương tác giữa công trạng lịch sử, ký ức cộng đồng và sự thừa nhận của nhà nước. Chính sử ghi nhận và xác lập vị trí của ông trong lịch sử quốc gia; các cộng đồng địa phương lưu giữ, tái tạo và trao truyền những ký ức gắn với hành trạng của ông; trong khi sự tôn vinh và phong tặng của nhà nước góp phần củng cố tính chính danh cho việc thờ phụng và vị thế của ông trong hệ thống thần linh. Trong quá trình đó, Lý Thường Kiệt vừa được ghi

nhớ như một nhân vật của lịch sử quốc gia, vừa được thiêng hóa thành đối tượng thờ phụng trong đời sống tín ngưỡng của các cộng đồng địa phương.

2.2. Mạng lưới không gian thờ tự và các lớp ký ức về Lý Thường Kiệt

Các cơ sở thờ tự và di tích gắn với Lý Thường Kiệt không tập trung tại một địa phương mà phân bố ở nhiều khu vực, trong đó tiêu biểu là Hà Nội, Bắc Ninh và Thanh Hóa. Đây là những địa bàn gắn với những chặng quan trọng trong cuộc đời và sự nghiệp của ông, từ quê hương, hoạt động quân sự đến quá trình trị nhậm và những dấu ấn đối với cộng đồng địa phương. Sự phân bố này không chỉ tạo nên một mạng lưới không gian thờ tự mà còn phản ánh những lớp ký ức khác nhau về Lý Thường Kiệt được các cộng đồng lưu giữ và tái tạo qua thời gian.

2.2.1. Hà Nội - không gian quê hương và ký ức về nguồn gốc

Trong mạng lưới thờ tự Lý Thường Kiệt, Hà Nội là địa bàn lưu giữ nhiều lớp ký ức gắn với quê hương, nguồn gốc và những hoạt động của ông tại không gian Thăng Long. Đình Phúc Xá, đền Cơ Xá, đình Nam Đồng và đền Thiên Tiên là những di tích tiêu biểu. Mặc dù tư cách thờ phụng và truyền thuyết tại mỗi di tích có những đặc điểm riêng, các trường hợp này đều cho thấy quá trình gắn kết Lý Thường Kiệt với lịch sử và ký ức của các cộng đồng địa phương tại Thăng Long – Hà Nội.

Tại đình Phúc Xá, Lý Thường Kiệt được phối thờ cùng các Thành hoàng và được cộng đồng ghi nhớ trong mối liên hệ với vùng An Xá - Cơ Xá cũng như những công trạng đối với cư dân vùng bãi. Tại đền Cơ Xá, ông được tôn là “Tổ Địa Tiên Công”, gắn với nguồn gốc và quá trình hình thành cộng đồng. Việc Lý Thường Kiệt được tích hợp vào hệ thống thờ tự của làng cho thấy quá trình địa phương hóa ký ức về một nhân vật lịch sử quốc gia. Tại đình Nam Đồng, theo truyền thuyết địa phương, Lý Thường Kiệt từng đóng quân, luyện binh và khai khẩn sau cuộc kháng chiến chống Tống. Trên cơ sở đó, ông được thờ làm Thành hoàng và tưởng niệm qua lễ hội hằng năm. Sự tham gia của các cộng đồng có cùng truyền thống thờ phụng cho thấy ký ức về Lý Thường Kiệt không chỉ tồn tại trong phạm vi từng làng mà còn tạo nên sự liên kết giữa các cộng đồng và không gian thờ tự. Bên cạnh những cơ sở trực tiếp thờ Lý Thường Kiệt, tại Hà Nội còn tồn tại một số di tích và truyền thuyết gắn với các nhân vật hoặc sự kiện được đặt trong mối liên hệ với ông. Đại Yên lưu giữ truyền thuyết về Ngọc Hoa công chúa; Tử Liên gắn với các vị thần được cho là có công phò tá triều Lý; Vạn Phúc và Hào Nam gắn với Linh Lang Đại vương; Bái Ân lưu giữ ký ức về nơi học tập của Lý Thường Kiệt thời niên thiếu. Mặc dù không trực tiếp thờ Lý Thường Kiệt, những di tích và truyền thuyết này góp phần tạo nên một không gian ký ức rộng hơn, trong đó hình ảnh và hành trạng của ông được đặt trong mối liên hệ với các nhân vật, địa danh và truyền thống lịch sử của Thăng Long - Hà Nội (Ban Quản lý Di tích và Danh thắng, Sở Văn hóa Thông tin Hà Nội, 1995; Thần tích - Thần sắc thôn Nam Ngạn, làng Cơ Xá; Lê Trung Vũ, 2006, tr. 709–712).

2.2.2. Bắc Ninh - không gian ký ức về chiến thắng quân Tống trên sông Như Nguyệt

Vùng ven sông Như Nguyệt gắn với phòng tuyến do Lý Thường Kiệt tổ chức trong cuộc kháng chiến chống Tống (1075 - 1077), trở thành không gian quan trọng lưu giữ ký ức về chiến công quân sự của ông. Tại Bắc Ninh, bên cạnh các cơ sở trực tiếp thờ Lý Thường Kiệt còn có nhiều di tích, địa danh, truyền thuyết và lễ hội liên quan đến phòng tuyến Như Nguyệt. Đền thờ Thái úy Lý Thường Kiệt tại Tam Giang, Yên Phong nằm trong khu vực gắn với phòng tuyến lịch sử. Không gian gồm đền thờ, tượng đài và các hạng mục tưởng niệm, cho thấy ký ức về ông tiếp tục được bảo lưu và tái tạo trong bối cảnh đương đại. Trong khi đó, đền Xà và khu vực ngã ba Xà, nơi hợp lưu sông Cà Lồ và sông Cầu, lưu giữ các truyền thuyết về phòng tuyến, hoạt động thủy quân và tín ngưỡng thờ Trương Hống, Trương Hát. Các nghi thức rước, tế, hội bơi chải và diễn xướng dân gian góp phần tái hiện và trao truyền ký ức về cuộc chiến.

Như vậy, ký ức về chiến thắng Như Nguyệt không chỉ hiện diện tại các cơ sở trực tiếp thờ Lý Thường Kiệt mà còn được lưu giữ qua dòng sông, địa danh, đền miếu, truyền thuyết và lễ hội. Trong không gian đó, hình tượng Lý Thường Kiệt được kết nối với ký ức về phòng tuyến, quân tướng, thần linh và các cộng đồng ven sông, qua đó tiếp tục được tái hiện và trao truyền trong đời sống cộng đồng.

2.2.3. Thanh Hóa - không gian ký ức về trị nhậm và an dân

Khác với Bắc Ninh, nơi nổi bật ký ức về chiến công chống ngoại xâm, tại Thanh Hóa, hình tượng Lý Thường Kiệt gắn nhiều hơn với thời gian trị nhậm tại Ái Châu và những đóng góp đối với đời sống cư dân. Các tư liệu và truyền thuyết địa phương ghi nhận dấu ấn của ông trong khai khẩn đất đai, thủy lợi, sản xuất, nghề thủ công và Phật giáo, qua đó hình thành lớp ký ức về một vị quan có công trị nhậm và an dân.

Đền thờ Lý Thường Kiệt tại Ngưỡng Sơn, Hà Trung là một cơ sở thờ tự tiêu biểu, nơi việc thờ phụng ông được duy trì qua nhiều thời kỳ và hiện được tiếp nối qua lễ khai ấn ngày 25 tháng Giêng âm lịch. Tại Yên Trung, Yên Định, ký ức về ông gắn với việc đào kênh, đắp đê, khai khẩn và lập làng. Những trường hợp này cho thấy sự tôn thờ Lý Thường Kiệt không chỉ bắt nguồn từ chiến công đối với quốc gia mà còn từ ký ức về những đóng góp cụ thể đối với sinh kế và đời sống cộng đồng. Tại đền Ngũ vị Đại vương Đương cảnh Thành hoàng, ông được phối thờ cùng Khương Công Phụ, Lê Phụng Hiểu và Vũ Hồn, cho thấy sự tích hợp Lý Thường Kiệt vào hệ thống các nhân vật có công được cộng đồng địa phương suy tôn (Thùy Linh, *Báo, Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa*, 2026; *Báo, Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa*, 2023).

Từ ba địa bàn có thể nhận diện ba lớp không gian ký ức nổi bật về Lý Thường Kiệt: quê hương - chiến công - trị nhậm. Hà Nội lưu giữ ký ức về nguồn gốc và mối quan hệ với cộng đồng Thăng Long; Bắc Ninh nổi bật với hình tượng danh tướng gắn với phòng tuyến Như Nguyệt; Thanh Hóa nhấn mạnh hình ảnh vị quan có công trị nhậm và an dân. Các lớp ký ức này bổ sung cho nhau, góp phần kiến tạo hình tượng Lý Thường Kiệt vừa là nhân vật của lịch sử quốc gia, vừa là đối tượng được cộng đồng địa phương tiếp nhận và thiêng hóa.

Đáng chú ý, nhiều địa điểm thờ tự và lưu giữ ký ức về Lý Thường Kiệt gắn với các dòng sông như sông Hồng, sông Như Nguyệt và sông Lèn, tương ứng với những chặng khác nhau trong hành trạng của ông. Vì vậy, mạng lưới này không chỉ là tập hợp các đình, đền cùng thờ một nhân vật mà còn là sự kết nối giữa địa điểm - truyền thuyết - nghi lễ - ký ức - cộng đồng, tạo nên một không gian văn hóa liên vùng. Trong đó, Lý Thường Kiệt được thờ chính hoặc phối thờ với nhiều tư cách như Thành hoàng, Phúc thần, Tổ làng hay danh tướng được thiêng hóa, phản ánh sự đa dạng trong cách các cộng đồng địa phương tiếp nhận và kiến tạo ký ức về ông.

2.3. Nghi lễ, lễ hội và quá trình tái tạo ký ức cộng đồng

Nếu di tích là hình thức vật chất của mạng lưới thờ tự thì nghi lễ, lễ hội là phương thức duy trì và tái tạo ký ức về Lý Thường Kiệt. Các ngày sinh, ngày hóa, tế lễ, rước thần và kể thần tích là những dịp cộng đồng tưởng niệm, thực hành và trao truyền ký ức về nhân vật.

Tại Hà Nội, đền Thiên Tiên duy trì dâng hương vào ngày sinh, ngày hóa của Lý Thường Kiệt; đình Nam Đồng tổ chức lễ hội vào tháng Hai âm lịch với sự tham gia của cư dân địa phương và một số cộng đồng cùng thờ ông. Tại Bắc Ninh, lễ hội gắn với đền thờ Lý Thường Kiệt và phòng tuyến Như Nguyệt kết hợp rước, tế, dâng hương với bơi chải, múa cờ, vật truyền thống, hát Quan họ và diễn xướng về chiến thắng chống Tống, qua đó tái hiện ký ức về chiến thắng năm 1077. Ở Thanh Hóa, lễ khai ấn tại đền Ngưỡng Sơn gắn với thời gian Lý Thường Kiệt trấn nhậm và việc khai ấn đầu năm; về sau còn mang ý nghĩa cầu quốc thái dân an, mưa thuận gió hòa và tưởng niệm công lao của ông.

Thông qua sự lặp lại hằng năm của nghi lễ và lễ hội, ký ức về Lý Thường Kiệt được tái hiện và trao truyền giữa các thế hệ. Từ những sự kiện, nhân vật được ghi nhận trong sử liệu, hình tượng ông tiếp tục được duy trì bằng không gian thờ tự, truyền thuyết, biểu tượng và thực hành nghi lễ. Qua đó, Lý Thường Kiệt vừa hiện diện như một danh tướng trong lịch sử, vừa là Thành hoàng, Tổ làng hoặc Phúc thần trong đời sống tín ngưỡng.

Mỗi địa phương lựa chọn những phương diện khác nhau để tưởng niệm: Hà Nội nhấn mạnh nguồn gốc và quan hệ với cộng đồng; Bắc Ninh nổi bật với chiến công chống ngoại xâm; Thanh Hóa ghi nhớ công lao trị quốc, an dân. Dù có những cách diễn giải khác nhau, các ký ức này cùng quy tụ

ở hình tượng một vị danh tướng có công bảo vệ đất nước, chăm lo đời sống nhân dân và được cộng đồng thiêng hóa. Qua đó, ký ức địa phương được kết nối trong một mạng lưới ký ức rộng hơn về Lý Thường Kiệt.

2.4. Giá trị của mạng lưới thờ tự Lý Thường Kiệt hiện nay

Trong bối cảnh đương đại, mạng lưới thờ tự Lý Thường Kiệt không chỉ tồn tại như dấu vết của một hình thức tín ngưỡng truyền thống mà tiếp tục thực hiện nhiều chức năng văn hóa - xã hội.

2.4.1. Bảo tồn di sản và ký ức lịch sử

Hệ thống đình, đền, miếu còn lưu giữ kiến trúc, tượng thờ, thần tích, thần phả, văn bia, hoành phi, câu đối và nhiều tư liệu; lễ hội, nghi lễ duy trì tri thức nghi lễ, diễn xướng dân gian và truyền thuyết địa phương. Qua đó, các lớp ký ức về Lý Thường Kiệt được bảo lưu trong cộng đồng.

2.4.2. Giáo dục lịch sử và truyền thống yêu nước

Những chiến công của Lý Thường Kiệt, đặc biệt cuộc kháng chiến chống Tống, được tái hiện qua di tích và lễ hội, giúp người dân, học sinh và thế hệ trẻ tiếp xúc với cảnh quan, hiện vật, truyền thuyết và nghi lễ. Qua đó, các giá trị về lòng yêu nước, ý thức độc lập dân tộc, trách nhiệm cộng đồng, bảo vệ chủ quyền và tri ân người có công được trao truyền.

2.4.3. Củng cố bản sắc và gắn kết cộng đồng

Việc cùng chuẩn bị lễ hội, tế lễ, rước thần, tu bổ di tích tạo nên các hình thức hợp tác xã hội và kết nối cư dân với lịch sử nơi cư trú. Sự liên kết còn vượt phạm vi một làng vì nhiều địa phương cùng thờ Lý Thường Kiệt. Hà Nội, Bắc Ninh và Thanh Hóa ghi nhớ những phương diện khác nhau nhưng cùng tôn vinh một nhân vật chung, qua đó gắn ký ức địa phương với ký ức quốc gia.

2.4.4. Phát triển du lịch văn hóa và giáo dục di sản

Các di tích ở Hà Nội có thể kết nối với không gian lịch sử Thăng Long; Bắc Ninh gắn với phòng tuyến Như Nguyệt và văn hóa Quan họ; Thanh Hóa gắn với các di tích Phật giáo và dấu ấn hoạt động của Lý Thường Kiệt. Việc phát huy giá trị cần tôn trọng tính thiêng, ký ức địa phương và thực hành của cộng đồng, tránh tách lễ hội khỏi nhu cầu và niềm tin của chủ thể văn hóa.

Có thể thấy, mạng lưới thờ tự Lý Thường Kiệt góp phần duy trì lịch sử như một nguồn ký ức sống. Nếu chính sử ghi nhận thân thế, sự nghiệp và công trạng của nhân vật thì di tích, tín ngưỡng và lễ hội phản ánh cách cộng đồng tiếp nhận, ghi nhớ và trao truyền hình tượng ông. Hai phương diện bổ sung cho nhau, góp phần bảo tồn ký ức lịch sử và phát huy giá trị văn hóa trong đời sống đương đại.

3. Kết luận

Lý Thường Kiệt là trường hợp tiêu biểu cho quá trình chuyển hóa từ nhân vật lịch sử thành đối tượng thiêng trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam. Nền tảng của quá trình này là thân thế và công trạng của ông trong lịch sử dân tộc. Sau khi qua đời, Lý Thường Kiệt tiếp tục được cộng đồng ghi nhớ, thờ phụng và thiêng hóa với các tư cách như Phúc thần, Thành hoàng, Tổ làng. Quá trình này gắn với những không gian lịch sử tiêu biểu tại Hà Nội, Bắc Ninh và Thanh Hóa, nơi mỗi cộng đồng lựa chọn những phương diện khác nhau trong cuộc đời, sự nghiệp của ông để ghi nhớ và tôn thờ.

Mạng lưới thờ tự Lý Thường Kiệt được cấu thành bởi hệ thống di tích, truyền thuyết, thần tích, nghi lễ, lễ hội và ký ức cộng đồng. Thông qua đó, ký ức lịch sử về ông được chuyển hóa thành ký ức văn hóa và tiếp tục được tái tạo trong đời sống xã hội. Hiện nay, mạng lưới này góp phần bảo tồn di sản, giáo dục truyền thống, củng cố bản sắc, gắn kết cộng đồng và phát triển du lịch văn hóa.

Trường hợp thờ tự Lý Thường Kiệt cho thấy mối quan hệ chặt chẽ giữa lịch sử quốc gia và ký ức địa phương. Chính sử ghi nhận công trạng của nhân vật; cộng đồng thông qua quá trình lựa chọn, thiêng hóa và thực hành tín ngưỡng tạo nên sức sống lâu dài cho hình tượng ấy. Nghiên cứu mạng lưới thờ tự vì vậy góp phần làm rõ cách cộng đồng lưu giữ, diễn giải và trao truyền lịch sử thông qua không gian thiêng và thực hành văn hóa.

Tài liệu tham khảo

- Ban Quản lý Di tích và Danh thắng, Sở Văn hóa Thông tin Hà Nội (1995). *Hồ sơ di tích lịch sử – văn hóa đền Cơ Xá, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội*.
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Thanh Hóa (2023). *Lễ đón nhận Bằng xếp hạng di tích cấp tỉnh đền thờ Thái úy Lý Thường Kiệt*. <https://truyenhinhthanhhoa.vn/le-don-nhan-bang-xep-hang-di-tich-cap-tinh-den-tho-thai-uy-ly-thuong-kiet-180230806165701326.htm>.
- Đào Phương Chi (2012). *Viết điện u linh tập và hoàn cảnh lịch sử của tác phẩm*. *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 12.
- Đinh Khắc Thuận. (2023). *Chuông chùa An Xá, Long Biên, Hà Nội*, *Tạp Chí Khoa học Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh*, (9 (301), 40–48.
- Đại Việt sử ký toàn thư* (Ngô Đức Thọ dịch và chú thích, 1998). Bản in Nội các quan bản, mộc bản khắc năm Chính Hòa thứ 18 (1697), tập 1. NXB. Khoa học xã hội.
- Hà Văn Tấn (chủ biên, 1990). *Lịch sử Thanh Hóa*. NXB Khoa học xã hội.
- Lê Tạo (2004). *Ảnh xạ lịch sử qua những bia đá ở Xứ Thanh*. *Tạp chí Di sản văn hóa*, số 6.
- Lê Trung Vũ (2006). *Hội làng Hà Nội*. NXB Văn hóa - Thông tin - Viện Văn hóa.
- Lý Tế Xuyên (1960). *Viết điện u linh tập* (Đinh Gia Khánh, Trịnh Đình Rư dịch và chú thích, Trần Nghĩa giới thiệu). NXB Văn hóa.
- Nguyễn Xuân Hòa, Nguyễn Hữu Tường (2002). *An Xá - Cơ Xá - Phúc Xá: lịch sử một tên làng gắn với lịch sử Thăng Long*. *Thông báo Hán Nôm học* 2002.
- Phạm Hoàng Mạnh Hà (2013). *Lý Thường Kiệt và việc phát triển nghề đục đá ở Thanh Hóa*. *Thông báo khoa học*, số 2, Bảo tàng Lịch sử Quốc gia.
- Phạm Hoàng Mạnh Hà (2017). *Góp thêm tư liệu về gia tộc Lý Thường Kiệt*. <https://baotanglichsu.vn/vi/Articles/3096/19861/gop-them-tu-lieu-ve-gia-toc-ly-thuong-kiet.html>
- Thần tích – Thần sắc thôn Nam Ngạn, làng Cơ Xá, tổng Phúc Lâm, huyện Thọ Xương, Hà Nội* (1938). Viện Thông tin Khoa học xã hội.
- Thùy Linh (2026). *Giữ mạch nguồn chảy mãi*. Báo và Phát thanh, Truyền hình Thanh Hóa. <https://baothanhhoa.vn/giu-mach-nguon-chay-mai-274011.htm>.

SỬ DỤNG NGUYÊN VẬT LIỆU KHÔNG ĐỘC HẠI...

Tiếp theo trang 118

“Bên cạnh vai trò của GV, sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và cộng đồng cũng có ý nghĩa quan trọng trong việc xây dựng nguồn vật liệu an toàn, phong phú cho việc dạy và học Mĩ thuật. Nhà trường cần tạo điều kiện về cơ sở vật chất, khuyến khích xây dựng góc học liệu mở thân thiện với môi trường, tổ chức thu gom và phân loại phế liệu, tái sử dụng vật liệu. Gia đình có thể đồng hành cùng HS trong việc chuẩn bị NVL sạch, an toàn và khuyến khích các em sáng tạo từ những vật liệu quen thuộc từ cuộc sống” (Nguyễn Cảnh Toàn, 2005). Điều này không chỉ làm phong phú nguồn học liệu mà còn góp phần giáo dục ý thức tiết kiệm và bảo vệ, phát triển môi trường xanh, sạch, lối sống lành mạnh, bền vững cho HS.

Từ những phân tích trên có thể khẳng định SDNVL không độc hại không chỉ đảm bảo an toàn trong dạy và học mà còn là giải pháp sư phạm có giá trị trong việc đổi mới phương pháp dạy học Mĩ thuật ở tiểu học. Việc khai thác hiệu quả các nguồn vật liệu an toàn, thân thiện với môi trường sẽ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục thẩm mĩ, PTNL sáng tạo, giáo dục ý thức, trách nhiệm đối với môi trường cho HS. Đây cũng là cơ sở để GV tiếp tục nghiên cứu, thiết kế và tổ chức các hoạt động thực hành sáng tạo, đáp ứng yêu cầu giáo dục toàn diện trong giai đoạn đổi mới.

Tài liệu tham khảo

- Ngô Bá Công (2014). *Giáo trình Mĩ thuật cơ bản*. NXB Đại học Sư phạm, tr. 10.
- Nguyễn Cảnh Toàn (chủ biên, 2005). *Khai dậy tiềm năng sáng tạo*. NXB Giáo dục, tr. 27.
- Nguyễn Lăng Bình (chủ biên, 2018). *Dạy học phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học*. NXB Đại học Sư phạm, tr. 23.
- Nguyễn Quốc Toàn (chủ biên, 2019). *Dạy học phát triển năng lực môn Mĩ thuật ở tiểu học*. NXB Đại học Sư phạm.
- Nguyễn Văn Cường & Bernd Meier (2015). *Lý luận dạy học hiện đại*. NXB Đại học Sư phạm.
- Phan Duy Kha (2013). *Dạy học phát triển năng lực sáng tạo cho học sinh*. NXB Giáo dục Việt Nam, tr. 34.
- Vũ Xuân Hùng (2012). *Dạy học hiện đại và nâng cao năng lực dạy học cho giáo viên*. NXB Lao động - Xã hội, tr. 21.